TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2023/DS-ST
Ngày: 27 - 4 - 2023
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự, vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Hiển.

2. Ông Mai Minh Chánh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2023 về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự, vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2023 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 175/TB-TA ngày 10 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Chí Th, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 416 tổ 14, ấp BT, xã BL, huyện CP, tỉnh AG (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trương Thị Ngọc D, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp BQ, xã BP, huyện CP, tỉnh AG, theo văn bản ủy quyền ngày 05/4/2023 (có mặt)

2. Bị đơn:

- Ông Phạm Tuấn Kh, sinh năm 1984 (vắng mặt)

- Bà Trương Thị Bạch T, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 64 tổ 02, ấp BT, xã BL, huyện CP, tỉnh AG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/11/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trương Chí Th và người đại diện theo ủy quyền là bà Trần Thị Ngọc D trình bày:

Ông Kh và bà T có vay của ông Th nhiều lần, số tiền vốn vay tổng cộng là 234.700.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 29/4/2022 âm lịch (nhằm ngày 29/5/2022 dương lịch), ông Kh và bà T vay của ông Th số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 01 tháng. Ông Kh và bà T đóng lãi được 03 lần từ tháng 4 năm 2022 đến tháng 7 năm 2022 âm lịch với số tiền 900.000 đồng.

- Ngày 26/5/2022 dương lịch, ông Kh và bà T vay của ông Th số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 01 tháng. Ông Kh và bà T đóng lãi được 02 tháng (gồm tháng 6 năm 2022 và tháng 7 năm 2022 dương lịch) với số tiền 3.000.000 đồng.

- Ngày 28/5/2022 dương lịch, ông Kh và bà T vay của ông Th 03 lần với tổng số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 01 tháng. Ông Kh và bà T đóng lãi 02 tháng (gồm tháng 6 và tháng 7 năm 2022 dương lịch) với số tiền 9.000.000 đồng.

- Ngày 28/6/2022 dương lịch, ông Kh và bà T có làm biên nhận với nội dung có nhờ ông Th hỏi dùm 210.000.000 đồng. Mỗi lần nhận tiền thì ông Kh đều có ký nhận tiền.

- Ngày 20/9/2022 âm lịch, ông Kh và bà T vay của ông Th số tiền 24.700.000 đồng, nhưng không làm biên nhận nợ.

Ông Th đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông Kh và bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ông Th yêu cầu Tòa án buộc ông Kh và bà T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Th số tiền vốn vay 234.700.000 đồng; yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền vốn vay 210.000.000 đồng, kể từ ngày 01/8/2022 dương lịch cho đến khi thi hành án xong. Không yêu cầu tính lãi đối với số tiền vốn vay 24.700.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn ông Kh và bà T vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Tại phiên tòa,

Ông Th và người đại diện theo ủy quyền là bà D trình bày: Ông Th tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn vay 24.700.000 đồng. Yêu cầu ông Kh và bà T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Th số tiền vốn vay 210.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật, kể từ ngày thụ lý vụ án 11/01/2023 cho đến khi ông Kh và bà T trả xong toàn bộ nợ vay. Ngoài ra, ông Th còn khai:

- Đối với số tiền vốn vay 10.000.000 đồng, ông Th xác định cho ông Kh, bà T bắt đầu vay vào ngày 29/4/2020 âm lịch (nhằm ngày 21/5/2020 dương lịch), chứ không phải ngày 29/4/2022 âm lịch. Ông Kh, bà T có đóng lãi liên tục, đầy đủ với lãi suất 3%/tháng đến ngày 21/7/2022 thì mới ngưng cho đến nay.

- Ông Th xác định ông Kh, bà T ký biên nhận nợ chốt số tiền vốn vay 210.000.000 đồng vào ngày 28/6/2022, chứ không phải ngày 28/6/2020, lý do khi ký tên thì ghi nhầm ngày, biên nhận do ông Kh tự ghi. Kể từ thời điểm chốt nợ vào ngày 28/6/2022 số tiền 210.000.000 đồng thì hai bên thống nhất thời hạn trả là 03 tháng; ông Th cho tiếp tục cho gia hạn thêm 01 tháng. Đến nay mặc dù ông Th có đôn đốc,

nhắc nhở nhưng ông Kh, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Th đối với số tiền vốn vay 24.700.000 đồng, do ôngTh tự nguyện rút yêu cầu này.

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Th về việc trả nợ vay. Buộc ông Kh và bà T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Th số tiền vốn vay 200.352.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật cho đến khi ông Kh và bà T trả xong nợ vay cho ông Th.

- Kể từ ngày 28/4/2023 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, ông Kh và bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 150% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự về hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Kh và bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về xác định chứng cứ trong vụ án: Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Kh và bà T, trong đó có nêu rõ nội dung khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn cùng chứng cứ kèm theo là Biên nhận nợ đề ngày 28/6/2020 dương lịch và Tờ ký nhận tiền, nhưng ông Kh và bà T không có ý kiến phản đối hay có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử xác định Biên nhận nợ đề ngày 28/6/2020 dương lịch và Tờ ký nhận tiền mà nguyên đơn cung cấp là chứng cứ để giải quyết vụ án.

[3] Về hợp đồng vay tài sản:

[3.1] Căn cứ Biên nhận nợ, Tờ ký nhận tiền, lời khai của ông Th trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Giữa ông Th và ông Kh, bà T có xác lập hợp đồng vay tài sản, thuộc loại hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn, lãi suất 3%/tháng; số tiền vốn vay tổng cộng là 210.000.000 đồng. Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức giao dịch phù hợp với quy định tại các điều 117, 118, 119, 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Bị đơn ông Kh và bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên nguyên đơn ông Th khởi kiện yêu cầu ông Kh và bà T trả số tiền vốn vay 210.000.000 đồng và tiền lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy, cần điều chỉnh lại tiền vốn và tiền lãi mà ông Th khai ông Kh và bà T đã nộp theo quy định pháp luật, cụ thể như sau:

Vốn vay 10.000.000 đồng							
Lần	**Ngày**	**Tháng**	**Năm**	**Nợ gốc còn lại (VNĐ)**	**Lãi đã nộp (3%/tháng) (VNĐ)**	**Lãi theo luật (20%/năm) (VNĐ)**	**Lãi nộp dư (VNĐ)**
1	21	5	2020	10,000,000	0	0	0
2	21	6	2020	9,869,863	300,000	169,863	130,137
3	21	7	2020	9,732,107	300,000	162,244	137,756
4	21	8	2020	9,597,420	300,000	165,313	134,687
5	21	9	2020	9,460,445	300,000	163,025	136,975
6	21	10	2020	9,315,959	300,000	155,514	144,486
7	21	11	2020	9,174,202	300,000	158,244	141,756
8	21	12	2020	9,025,011	300,000	150,809	149,191
9	21	1	2021	8,878,313	300,000	153,302	146,698
10	21	2	2021	8,729,122	300,000	150,810	149,190
11	21	3	2021	8,563,049	300,000	133,926	166,074
12	21	4	2021	8,408,503	300,000	145,455	154,545
13	21	5	2021	8,246,725	300,000	138,222	161,778
14	21	6	2021	8,086,807	300,000	140,081	159,919
15	21	7	2021	7,919,740	300,000	132,934	167,066
16	21	8	2021	7,754,267	300,000	134,527	165,473
17	21	9	2021	7,585,984	300,000	131,716	168,284
18	21	10	2021	7,410,685	300,000	124,701	175,299
19	21	11	2021	7,236,565	300,000	125,880	174,120
20	21	12	2021	7,055,522	300,000	118,957	181,043
21	21	1	2022	6,875,369	300,000	119,847	180,153
22	21	2	2022	6,692,157	300,000	116,787	183,213
23	21	3	2022	6,494,831	300,000	102,674	197,326
24	21	4	2022	6,305,154	300,000	110,323	189,677
25	21	5	2022	6,108,800	300,000	103,646	196,354
26	21	6	2022	5,912,566	300,000	103,766	196,234
27	21	7	2022	5,709,759	300,000	97,193	202,807
Tổng cộng				**5,709,759**	**7,800,000**	**3,509,759**	**4,290,241**

Vốn vay 50.000.000 đồng							
Lần	**Ngày**	**Tháng**	**Năm**	**Nợ gốc còn lại (VNĐ)**	**Lãi đã nộp (3%/tháng) (VNĐ)**	**Lãi theo luật (20%/năm) (VNĐ)**	**Lãi nộp dư (VNĐ)**
	26	5	2022	50,000,000	0	0	0
	26	6	2022	49,349,315	1,500,000	849,315	650,685
	26	7	2022	48,660,537	1,500,000	811,222	688,778
Tổng cộng				**48,660,537**	**3,000,000**	**1,660,537**	**1,339,463**

Vốn vay 150.000.000 đồng							
Lần	**Ngày**	**Tháng**	**Năm**	**Nợ gốc còn lại (VNĐ)**	**Lãi đã nộp (3%/tháng) (VNĐ)**	**Lãi theo luật (20%/năm) (VNĐ)**	**Lãi nộp dư (VNĐ)**
	28	5	2022	150,000,000	0	0	0
	28	6	2022	148,047,945	4,500,000	2,547,945	1,952,055
	28	7	2022	145,981,610	4,500,000	2,433,665	2,066,335
Tổng cộng				**145,981,610**	**9,000,000**	**4,981,610**	**4,018,390**

Lần	Ngày	Tháng	Năm	Nợ gốc còn lại (VNĐ)	Lãi đã nộp (3%/tháng) (VNĐ)	Lãi theo luật (20%/năm) (VNĐ)	Lãi nộp dư (VNĐ)
Tổng cộng				200,351,906	19,800,000	10,151,906	9,648,094
	11	1	2023	200,351,906			
	27	4	2023	**200,351,906**		**11,636,878**	
Tổng cộng vốn, lãi (Tính đến 27/4/2023)				**211,988,784**			

[3.3] Như vậy, ông Kh và bà T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Th số tiền nợ vay tổng cộng là 211.989.000 đồng (làm tròn số), trong đó bao gồm: vốn vay 200.352.000 đồng (làm tròn số) và tiền lãi (20%/năm) tính đến ngày 27/4/2023 là 11.637.000 đồng (làm tròn số). Ngoài ra, kể từ ngày 28/4/2023 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, ông Kh và bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 150% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi thành án.

[4] Về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" theo Quyết định số: 05/2023/QĐ-BPKCTT ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú. Xét thấy, ông Th yêu cầu tiếp tục duy trì việc phong tỏa tài sản của ông Kh và bà T, nên cần tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời này để đảm bảo cho việc thi hành án. Phần tuyên về biện pháp khẩn cấp tạm thời trong bản án không bị kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của ông Th được chấp nhận toàn bộ nên ông Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho ông Th tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Kh và bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ và yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Kh và bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Chí Th đối với số tiền vốn vay 24.700.000 đồng (Hai mươi bốn triệu bảy trăm nghìn đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Chí Th về việc yêu cầu ông Phạm Tuấn Kh và bà Trương Thị Bạch T trả nợ vay.

Buộc ông Phạm Tuấn Kh và bà Trương Thị Bạch T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trương Chí Th số tiền nợ vay tổng cộng là 211.989.000 đồng (Hai trăm mười một triệu chín trăm tám mươi chín nghìn đồng), trong đó bao gồm:

- Tiền vốn vay: 200.352.000 đồng (Hai trăm triệu ba trăm năm mươi hai nghìn đồng);

- Tiền lãi tính đến ngày 27/4/2023 là: 11.637.000 đồng (Mười một triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày 28/4/2023 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, ông Phạm Tuấn Kh và bà Trương Thị Bạch T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 150% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số: 05/2023/QĐ-BPKCTT ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang để đảm bảo cho việc thi hành án. Phần tuyên về biện pháp khẩn cấp tạm thời trong bản án không bị kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Tuấn Kh và bà Trương Thị Bạch T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.599.000 đồng (Mười triệu năm trăm chín mươi chín nghìn đồng).

Trả lại cho ông Trương Chí Th số tiền 5.868.000 đồng (Năm triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005136 ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Trương Chí Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Tuấn Kh và bà Trương Thị Bạch T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Minh Chánh **Đoàn Văn Hiển** **Nguyễn Duy Linh**